

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2025/KDTM-PT
Ngày 11-02-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Minh Đa.

Các Thẩm phán: Ông Phan Trí Dũng;

Bà Trần Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thành Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2024/TLPT-KDTM ngày 07 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 23/2024/KDTM-ST ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 59/2024/QĐXXPT-KDTM ngày 04 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 (S); địa chỉ: số A, T, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: số B, Y, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Anh P, sinh năm 1985; địa chỉ: số B, Đại Lộ B, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương và/hoặc ông Đoàn Văn H; địa chỉ: số H, đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 06/10/2023), ông P có mặt, ông H vắng mặt.

- *Bị đơn*: Công ty TNHH Một thành viên C; địa chỉ: số B, Đại lộ B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Đang L - Chức vụ: Giám đốc, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1957; địa chỉ: số A, đường Đ, khu phố H, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: đường D + D2, khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. Bà Đặng Thị X, sinh năm 1956, vắng mặt;

3. Ông Nguyễn Văn P1, sinh năm 1985, có mặt;

4. Bà Nguyễn Thị Kim Q, sinh năm 1989, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: số A, đường Đ, khu phố H, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

5. Công ty Cổ phần K; địa chỉ: số A, đường Đ, khu phố H, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

6. Công ty Cổ phần T; địa chỉ: số A, đường Đ, khu phố H, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

7. Công ty TNHH Một thành viên C1; địa chỉ: số A, đường Đ, khu phố H, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn P1 - Chức vụ: Giám đốc, có mặt.

- *Người kháng cáo*: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 18/10/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Lê Anh P trình bày:*

Ngày 02/6/2021, Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Đ1 (sau đây gọi tắt là S) - Chi nhánh B ký Hợp đồng tín dụng từng lần số 2115300066/HĐTDTL với Công ty TNHH Một thành viên C (sau đây gọi tắt là Công ty C). Theo đó, Công ty C vay S số tiền: 3.112.000.000 đồng, mục đích vay: mua xe ô tô VOLVO XC90 T6 AWD INSCRIPTION; thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 03/6/2021 đến ngày 03/6/2026; lãi suất vay theo từng lần giải ngân, lãi suất chậm trả bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi trên số nợ lãi bằng 10%/năm.

Ngày 16/9/2022, Công ty C ký Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số REF2225800496/HĐHMTDLT với S với nội dung: hạn mức tín dụng (HMTD) 45.000.000.000 đồng, bao gồm hạn mức vay vốn + L/C nội địa (thư tín dụng) liên thông trong tổng HMTD cấp cho khách hàng. Thời hạn cho vay không được vượt

quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày ký khế ước nhận nợ; lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay, lãi trên số tiền nợ lãi bằng 10%/năm.

Tổng số tiền S đã giải ngân cho Công ty C là 35.000.000.000 đồng.

Ngoài ra, ngày 23/6/2023, S và Công ty C thỏa thuận S sử dụng thẻ tín dụng theo Hợp đồng hạn mức tín dụng thẻ SeAMileage với hạn mức thẻ 200.000.000 đồng, số tài khoản thẻ tín dụng 000080232174.

Để bảo đảm cho các khoản vay trên, Công ty C thế chấp các tài sản sau:

+ Tài sản 01: Xe ô tô 07 chỗ, màu đen, nhãn hiệu VOLVO XC90 T6 AWD INSCRIPTION, BKS: 61A-947.44, SK: YVILFA2ACM1730831, SM: B4204T273995397 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 61013451 do Phòng C2 Công an tỉnh B cấp ngày 01/6/2021 cho Công ty C. Việc thế chấp đã được Công ty C và Ngân Hàng Đ1 - Chi nhánh B ký Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 2115300066/HĐTC ngày 02/6/2021, đã có đăng ký giao dịch bảo đảm.

+ Tài sản 02: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có diện tích 6.066m² thuộc thửa đất số 384, tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H09334 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương cấp ngày 20/12/2005 cho bà Đặng Thị X. Bà Đặng Thị X ký hợp đồng thế chấp cho S để bảo lãnh khoản tiền vay của Công ty C Phát theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 25/3/2021; đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 26/3/2021.

+ Tài sản 03: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có diện tích 1.123,5m² thuộc thửa đất số 386, tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H09915 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương cấp ngày 16/01/2006 cho bà Đặng Thị X. Vợ chồng ông Nguyễn Văn L1 và bà Đặng Thị X ký hợp đồng thế chấp cho S để bảo lãnh khoản tiền vay của Công ty C Phát theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 27/3/2021; đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 27/4/2021.

Sau khi ký hợp đồng và giải ngân số tiền vay, Công ty C thường xuyên vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Tính đến ngày 02/10/2023, Công ty C đã trả được số tiền 1.348.360.000 đồng nợ gốc và tiền lãi là 1.774.784.761 đồng; còn nợ lại số tiền 37.889.342.572 đồng (trong đó nợ gốc là 36.959.674.690 đồng, nợ lãi là 929.667.882 đồng).

Nay, S khởi kiện yêu cầu giải quyết các vấn đề sau:

+ Buộc Công ty C cho S tổng số tiền nợ tính đến ngày 03/10/2023 là 37.889.342.572 đồng (bao gồm nợ gốc là 36.959.674.690 đồng, nợ lãi là 929.667.882 đồng).

+ Buộc Công ty C cho S tiền nợ gốc + lãi theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng từng lần số 2115300066/HĐTDTL ngày 02/6/2021, Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số REF2225800496/HDHMTDLT ngày 16/9/2022 và Hợp đồng hạn mức tín dụng thẻ SeAMileage ngày 23/6/2023 với tổng số tiền 37.889.342.572

đồng (trong đó nợ gốc là 36.959.674.690 đồng, nợ lãi là 929.667.882 đồng), tiền lãi được tính theo hợp đồng kể từ ngày 04/10/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp Công ty C không thanh toán nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo 03 hợp đồng thế chấp nêu trên.

Sau khi phát mãi, nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ thì Công ty C vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho S cho đến khi hết nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 01/11/2023, Công ty C đã trả được số tiền 1.839.034.510 đồng, trong đó nợ gốc 1.763.640.000 đồng và lãi là 75.394.510 đồng của Hợp đồng tín dụng từng lần số 2115300066/HĐTDTL ngày 02/6/2021 và đã giải chấp tài sản là xe ô tô 07 chỗ, màu đen, nhãn hiệu VOLVO XC90, BKS: 61A-947.44 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 61013451 do Phòng C2 Công an tỉnh B cấp ngày 01/6/2021. Do đó, nguyên đơn S rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.839.034.510 đồng (nợ gốc 1.763.640.000 đồng và lãi là 75.394.510 đồng của Hợp đồng tín dụng từng lần số 2115300066/HĐTDTL ngày 02/6/2021) và yêu cầu xử lý tài sản là xe ô tô 07 chỗ, màu đen, BKS: 61A-947.44. S còn yêu cầu Công ty C cho S tổng số tiền nợ tính đến ngày 29/7/2024 là 41.569.231.086 đồng, trong đó nợ gốc là 35.189.899.256 đồng, lãi trong hạn là 1.211.006.652 đồng, lãi quá hạn là 5.073.596.362 đồng và lãi phạt là 94.728.816 đồng; giữ nguyên yêu cầu khởi kiện còn lại.

- Bị đơn Công ty TNHH Một thành viên C do bà Nguyễn Thị Đang L là người đại diện hợp pháp trình bày:

Thông nhất với nguyên đơn về việc ký các hợp đồng tín dụng, thế chấp tài sản và số tiền nợ gốc còn lại với S. Do tình hình kinh doanh khó khăn nên công ty chưa thanh toán cho nguyên đơn. Bị đơn Công ty C đồng ý với yêu cầu khởi kiện của S.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn P1 đồng thời là người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH MTV C1 trình bày:

Ông P1 là em trai của bà Nguyễn Thị Đang L. Do công ty của bà L đang gặp khó khăn nên đề nghị ngân hàng tạo điều kiện về thời gian để gia đình tự bán tài sản trả nợ cho ngân hàng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L1, bà Nguyễn Thị X1, bà Nguyễn Thị Kim Q, Công ty Cổ phần K và Công ty Cổ phần T và Kiểm định An toàn KV2 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không cung cấp lời khai và không có ý kiến gì.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 23/2024/KDTM-ST ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 đối với Công ty TNHH Một thành viên C về việc tranh chấp đối

với số tiền 1.839.034.510 đồng của Hợp đồng tín dụng từng lần số 2115300066/HĐTDTL ngày 02/6/2021 và yêu cầu xử lý tài sản là xe ô tô 07 chỗ, màu đen, nhãn hiệu VOLVO, BKS: 61A-947.44, SK: YVILFA2ACM1730831, SM: B4204T273995397 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 61013451 do Phòng C2 Công an tỉnh B cấp ngày 01/6/2021 cho Công ty TNHH Một thành viên C.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 (S) đối với Công ty TNHH Một thành viên C về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

2.1. Về nghĩa vụ thanh toán nợ: Buộc Công ty TNHH Một thành viên C phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 số nợ phát sinh từ Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số REF2225800496/HĐHMTDLT ngày 16/9/2022 và Hợp đồng hạn mức tín dụng thẻ SeAMileage ngày 23/6/2023, số tiền tính đến ngày 29/7/2024 là 41.569.231.086 đồng; trong đó nợ gốc 35.189.899.256 đồng, lãi trong hạn 1.211.006.652 đồng, lãi quá hạn là 5.073.596.362 đồng và lãi phạt là 94.728.816 đồng. Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 30/7/2024 cho đến khi Công ty TNHH Một thành viên C trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng nêu trên.

2.2. Về xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp Công ty TNHH Một thành viên C không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ gồm:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có diện tích 6.066m² thuộc thửa đất số 384, tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 25/3/2021, số công chứng 1071, quyền số 03TP/CC-SCC/HĐGD. Tài sản gắn liền trên đất gồm: 01 căn nhà cấp 4 có kết cấu mái ngói, tường gạch, cửa gỗ, nền gạch hoa không rõ thời gian xây dựng. Trước căn nhà có 02 biển đề Công ty TNHH C1 và Công ty TNHH MTV C.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có diện tích 1.123,5m² thuộc thửa đất số 386, tờ bản đồ số 05 tọa lạc phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 27/3/2021, số công chứng 1677, quyền số 04/2021TP/CC-SCC/HĐGD. Tài sản gắn liền trên đất gồm: 01 căn nhà 02 tầng có kết cấu mái tole, nền gạch, cửa kính, không rõ thời gian xây dựng, không có người sinh sống. Phía trước căn nhà có biển Công ty Cổ phần Kiểm định và Đ tạo Nghiệp vụ 3, Công ty Cổ phần T và Kiểm định An toàn KV2; 01 nhà xưởng có kết cấu mái tole, khung tole, không rõ thời gian xây dựng, phía trước nhà xưởng có biển Liên Minh P2 (Liên kết - Thịnh vượng - Phát triển); 02 dãy nhà xưởng có kết cấu mái tole, khung tole, không rõ thời gian xây dựng, trước nhà có biển nhà thép TGP.

Trường hợp số tiền phát mãi tài sản bảo đảm không đủ thực hiện các nghĩa vụ của Công ty TNHH Một thành viên C tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1,

Công ty TNHH Một thành viên C phải có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ còn lại.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/8/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đề nghị Tòa án xem xét miễn toàn bộ lãi suất theo các hợp đồng vay của Công ty TNHH Một thành viên C; yêu cầu ngân hàng lấy tài sản thế chấp theo biên bản thẩm định giá trước khi thế chấp, số tiền còn dư thì trả lại cho ông L1, bà X1.

Ông Nguyễn Văn P1 thống nhất với ý kiến của ông L1 và trình bày: Công ty Cổ phần K, Công ty Cổ phần T và Kiểm định An toàn KV2 và Công ty TNHH Một thành viên C1 là các đơn vị thuê tài sản của ông L1, bà X1 để làm trụ sở và không có quyền lợi gì liên quan đến vụ án; hiện nay các đơn vị này cũng đã thanh lý, trả lại tài sản thuê.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông L1 và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L1 kháng cáo nhưng không cung cấp bất kỳ chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn L1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Nguyễn Văn L1, bà Đặng Thị X là vợ chồng; hai người có các con chung gồm: ông Nguyễn Văn P1, bà Nguyễn Thị Đang L.

Công ty Cổ phần K 3, Công ty Cổ phần T và Kiểm định An toàn KV2 và Công ty TNHH Một thành viên C1 là các đơn vị thuê tài sản của ông L1, bà X để làm trụ sở; bản án sơ thẩm không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của họ và họ cũng không kháng cáo bản án sơ thẩm; các đương sự đều đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH Một thành viên C là bà Nguyễn Thị Đang L và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị X, bà Nguyễn Thị Kim Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 21/01/2025 và ngày 11/02/2025 nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Công ty TNHH Một thành viên C, mã số doanh nghiệp 3702283869; đăng ký lần đầu ngày 16/7/2017; đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 24/01/2024 do bà Nguyễn Thị Đang L làm chủ sở hữu.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện bị đơn (Công ty C) đối với số tiền 1.839.034.510 đồng (nợ gốc 1.763.640.000 đồng + nợ lãi 75.394.510 đồng) của Hợp đồng tín dụng từng lần số 2115300066/HĐTDTL ngày 02/6/2021 và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô 07 chỗ, màu đen, nhãn hiệu VOLVO XC90, BKS: 61A-947.44; Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn S chứng minh bị đơn Công ty C vay tiền theo các khế ước nhận nợ (giải ngân) kèm theo Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kiêm hợp đồng hạn mức tín dụng thẻ SeAMileage ngày 23/6/2023, Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số REF2225800496/HĐHMTDLT ngày 16/9/2022 để chứng minh bị đơn còn nợ tiền gốc và lãi tính đến ngày 29/7/2024 là 41.569.231.086 đồng (trong đó nợ gốc 35.189.899.256 đồng, lãi trong hạn 1.211.006.652 đồng, lãi quá hạn là 5.073.596.362 đồng và lãi phạt là 94.728.816 đồng).

Quá trình tố tụng, bị đơn Công ty C khai thừa nhận còn nợ số tiền vay theo các hợp đồng như nguyên đơn trình bày nhưng do điều kiện làm ăn khó khăn nên mất khả năng thanh toán.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn không kháng cáo đối với bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L1 không phải là người vay tiền nhưng kháng cáo bản án sơ thẩm về số tiền vay là không đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn L1 về nghĩa vụ bảo lãnh:

Ông Nguyễn Văn L1, bà Đặng Thị X dùng tài sản của mình thế chấp cho S để bảo lãnh cho số tiền vay của Công ty C; con gái ông L1, bà X (bà Nguyễn Thị Đang L) là chủ sở hữu Công ty C, trực tiếp ký hợp đồng vay và nhận tiền vay; các hợp đồng thế chấp đều có công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Do đó, ông L1, bà X phải chịu trách nhiệm về phạm vi bảo lãnh theo các hợp đồng đã ký.

[3] Ông L1 kháng cáo nhưng không có chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu của mình nên không có căn cứ chấp nhận.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[5] Án phí phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L1.

II. Giữ nguyên Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 23/2024/KDTM-ST ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương như sau:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 đối với Công ty TNHH Một thành viên C về việc tranh chấp số tiền 1.839.034.510 đồng của Hợp đồng tín dụng từng lần số 2115300066/HĐTDTL ngày 02/6/2021 và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô 07 chỗ, màu đen, nhãn hiệu VOLVO, BKS: 61A-947.44, SK: YVILFA2ACM1730831, SM: B4204T273995397 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 61013451 do Phòng C2 Công an tỉnh B cấp ngày 01/6/2021 cho Công ty TNHH Một thành viên C.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 (S) đối với Công ty TNHH Một thành viên C về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

2.1. Về nghĩa vụ thanh toán nợ: Buộc Công ty TNHH Một thành viên C phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 tính đến ngày 29/7/2024 số tiền nợ gốc là 35.189.899.256 đồng + lãi trong hạn là 1.211.006.652 đồng + lãi quá hạn là 5.073.596.362 đồng + lãi phạt là 94.728.816 đồng; tổng cộng là 41.569.231.086 đồng (bốn mươi một tỷ năm trăm sáu mươi chín triệu hai trăm ba mươi một ngàn không trăm tám mươi sáu đồng).

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 30/7/2024 cho đến khi Công ty TNHH Một thành viên C trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số REF2225800496/HĐHMTDLT ngày 16/9/2022 và Hợp đồng hạn mức tín dụng thẻ SeAMileage ngày 23/6/2023.

2.2. Về xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp Công ty TNHH Một thành viên C không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1

được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ gồm:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có diện tích 6.066m² thuộc thửa đất số 384, tờ bản đồ số 05 tọa lạc phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 25/3/2021, số công chứng 1071, quyền số 03TP/CC-SCC/HĐGD. Tài sản gắn liền trên đất gồm: 01 căn nhà cấp 4 có kết cấu mái ngói, tường gạch, cửa gỗ, nền gạch hoa không rõ thời gian xây dựng. Trước căn nhà có 02 biển đề Công ty TNHH C1 và Công ty TNHH MTV C.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có diện tích 1.123,5m² thuộc thửa đất số 386, tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 27/3/2021, số công chứng 1677, quyền số 04/2021TP/CC-SCC/HĐGD. Tài sản gắn liền trên đất gồm: 01 căn nhà 02 tầng có kết cấu mái tole, nền gạch, cửa kính, không rõ thời gian xây dựng, không có người sinh sống. Phía trước căn nhà có biển Công ty Cổ phần Kiểm định và Đ tạo Nghiệp vụ 3, Công ty Cổ phần T và Kiểm định An toàn KV2; 01 nhà xưởng có kết cấu mái tole, khung tole, không rõ thời gian xây dựng, phía trước nhà xưởng có biển Liên Minh P2 (Liên kết - Thịnh vượng - Phát triển); 02 dãy nhà xưởng có kết cấu mái tole, khung tole, không rõ thời gian xây dựng, trước nhà có biển nhà thép TGP.

Trường hợp số tiền phát mãi tài sản bảo đảm không đủ thực hiện các nghĩa vụ trên thì Công ty TNHH Một thành viên C còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả hết số nợ còn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH Một thành viên C phải nộp số tiền 149.569.231 đồng (một trăm bốn mươi chín triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn hai trăm ba mươi một đồng). Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 số tiền 72.945.000 đồng (bảy mươi hai triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000423 ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương (do ông Lê Anh P nộp thay).

4. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn Công ty TNHH Một thành viên C phải chịu số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) để trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

III. Về án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L1 phải chịu số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng

án phí, lệ phí Tòa án số 0003108 ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND thành phố T;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu Hồ sơ, Tổ hành chính tư pháp;
- Tòa KT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Minh Đa